

Bản án số: 08/2025/HS - ST

Ngày: 17-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Bình Hòa;

Bà Nguyễn Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 15 Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 15 Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 02/7/2025 đối với các bị cáo:

1. Hồ Anh H, sinh năm 2003, tại tỉnh Bình Dương, số CCCD: 074203007254; Nơi ĐKKHKT: Số B, Tổ D, Khu E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ văn hóa: 7/12. Nghề nghiệp: không; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Tấn D và bà Ngô Thị Xuân T. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 27/02/2025 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Lê Văn T1, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Dương. số CCCD:074093001020. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số E, Tổ A, Khu B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Sửa xe. Con ông Lê Văn L và bà Ngô Thị Cẩm H1. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 27/02/2025 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Lê Trung T2, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Dương. số CCCD: 074094007148. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A L, Tổ E, Khu C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Lê Văn T3 (Đã chết) và bà Ngô Thị H2. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 25/4/2016, bị can bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích đối với hành vi phạm tội ngày 04/12/2014. Ngày 06/7/2016, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 31/8/2017, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 28/02/2025 bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

4. Lê Tuấn N, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Dương. số CCCD; 074095004433. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B P, Tổ D, Khu E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ văn hóa: 7/12. Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt. Con ông Lê Thanh T4 (Đã chết) và Đinh Thị Thanh T5 (Đã chết). Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Ngày 28/02/2025 bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương. số CCCD;079077034029. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường Đ, Khu H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và bà Nguyễn Thị X (Đã chết). Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Ngọc H3 và 03 con. Tiền án: Ngày 22/01/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội Mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng đối với hành vi phạm tội vào tháng 10/2013. Ngày 29/01/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 21/5/2025, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền nộp sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo bị bắt ngày 27/02/2025 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ tạm trú: Số nhà E, đường Đ, khu D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: Số F, Đường Đ, Khu F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

+ Bà Phan Thị Thanh H4, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Số A, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ tạm trú: Đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: Số A, đường D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ tạm trú: Số A, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Lương Thanh T7, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

+ Ông Ung Đắc T8, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Số F, Đường Đ, Khu F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1981; địa chỉ: Số C, Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

+ Bà Tôn Huệ N1, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, đường D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

+ Bà Trần Ngọc Kim N2, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, đường Y, Tổ F, Khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) có mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số C, đường N, khu dân cư P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/02/2025, chị Phan Thị Thanh H4, sinh năm 1992, đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Công an phường Đ trình báo sự việc khoảng 02 giờ ngày 27/02/2025, tại nhà không số, đường Đ, khu phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chị H4 thức dậy thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xám-đen, biển số 61C1-950.10 bị mất trộm. Sau khi tiếp nhận nguồn tin từ chị H4, Phòng C3 Công an tỉnh B phối hợp với Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố T truy tìm đối tượng thì phát hiện Hồ Anh H đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xám-đen, biển số 18AF-045.26 (gắn biển số giả) lưu thông trên đường Đ, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu H về trụ sở làm việc. Qua làm việc, H khai nhận xe mô tô trên do H cùng với đối tượng nam tên là T8 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) lấy trộm của chị H4 rồi nhờ Lê Văn T1 kiểm tra định vị, nổ máy xe và thay đổi kết cấu, gắn biển số 18AF-045.26 đem đi tiêu thụ. Trên đường H đem xe đến nhà Nguyễn Ngọc T6 để bán cho T6 thì bị lực lượng Công an phát hiện nên yêu cầu H về trụ sở làm việc. Ngoài ra, H còn khai nhận đã nhiều lần cùng với đối tượng tên T8 và Lê Trung T2 thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn Thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi đưa đến cho T1 kiểm tra thiết bị định vị, nổ máy, thay đổi kết cấu để bán cho Nguyễn Ngọc T6. Ngày 27/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hồ Anh H, Lê Văn T1 về hành vi Trộm cắp tài sản và Nguyễn Ngọc T6 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 28/02/2025, Lê Trung T2 đến Phòng C3 Công an tỉnh B đầu thú về hành vi Trộm cắp xe mô tô cùng với H, còn Lê Tuấn N đầu thú về hành vi Trộm cắp xe mô tô cùng với Lê Trung T2 trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thu giữ được số vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô Honda Vario, màu xám-đen, gắn biển số 18AF-045.26; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng (thu giữ của Lê Văn T1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím (thu giữ của Nguyễn Ngọc T6).

Quá trình điều tra, Hồ Anh H, Lê Văn T1, Lê Trung T2, Lê Tuấn N khai nhận nhiều lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và Nguyễn Ngọc T6 khai nhận hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trên địa bàn thành phố T, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ 01:* Khoảng 12 giờ ngày 10/02/2025, Lê Trung T2 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng (không rõ biển số) chở Hồ Anh H đi đến khu vực phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đi đến nhà số E, đường Đ, khu phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì phát hiện

trước sân nhà có 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90 của anh Lê Quang Đ, sinh năm 1996, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương không có người trong coi nên T2 đứng bên ngoài cánh giới còn H đi vào mở cổng và lấy trộm xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90 rồi cả hai tẩu thoát. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, còn H ngồi trên xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90 để T2 dùng chân đẩy H đi đến trại gà gần vòng xoay phường Đ của Nguyễn Ngọc T6 để bán xe cho T6. Khi H và T2 đi đến trại gà của T6 thì gặp Lê Văn T1 đang ở đây nên H kêu T1 kiểm tra thiết bị định vị, sửa ổ khóa đầu dây điện để cho xe mô tô nổ máy (Do trước đó, H trộm cắp xe mô tô của bị hại tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (không xác định được bị hại) rồi kêu T1 kiểm tra thiết bị định vị, nổ máy xe để đem đi tiêu thụ và cho T1 số tiền 300.000 đồng nên T1 tiếp tục đồng ý thực hiện). Sau khi xe nổ máy, H và T2 bán xe mô tô trên cho T6 được số tiền 7.000.000 đồng, H cho T2 số tiền 2.500.000 đồng, cho T1 số tiền 500.000 đồng. Đối với Nguyễn Ngọc T6 biết rõ xe mô tô trên do H cùng đồng phạm trộm cắp nhưng vẫn mua để tiêu thụ. Sau đó, T6 đem xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90 đi đến khu vực cầu P bán cho người nam (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 9.000.000 đồng.

- *Vụ thứ 02:* Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 21/02/2025, Lê Tuấn N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở Lê Trung T2 đi tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi đến quán T9, địa chỉ tại số A, đường V, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì phát hiện bên trong sân của quán có để 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ-đen, biển số 61L2-3466 của bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963, đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương có cắm sẵn chìa khóa trên xe. Lúc này, N đứng cánh giới còn T2 vào trong sân lấy xe mô tô trên rồi cả hai tẩu thoát. Sau đó, T2 bán xe mô tô trên cho 01 người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) tại thành phố B, tỉnh Bình Dương được số tiền 1.500.000 đồng và T2 cho N số tiền 500.000 đồng.

- *Vụ thứ 03:* Khoảng 01 giờ ngày 27/02/2025, người nam tên T8 (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Raider, biển số 18AF-045.26 chở Hồ Anh H đi xung quanh khu vực phường Đ để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đi đến căn nhà trên đường Đ, khu phố G, phường Đ, thành phố T thì phát hiện bên trong sân có 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xám-đen, biển số 61C1-950.10 của chị Phan Thị Thanh H4. Lúc này, T8 đứng cánh giới, còn H đi vào sân dắt xe mô tô trên ra khỏi cổng nhà rồi cả hai tẩu thoát về nhà bạn của H (không rõ họ tên và địa chỉ) tại phường Đ. Tại đây, H và T8 thay biển số 18AF-045.26 từ xe Honda Raider sang xe Honda Vario và thay biển số 61C1-950.10 sang xe Honda Raider.

- *Vụ thứ 04:* Sau khi thay biển số xong, H và T8 tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Honda Raider để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 03 giờ ngày 27/02/2025, H và T8 phát hiện tại nhà số A, tổ D, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương bên trong sân có 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu trắng-nâu, biển số 61B1-889.82 của bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1965, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, đường D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Lúc này, T8 đứng cánh giới còn H đi vào trong sân nhà lấy trộm xe mô tô trên rồi đem đến nhà của Lê Văn T1. Tại đây, T1 kiểm tra xem xe có định vị hay không và sửa ổ

khóa, đấu dây điện để nổ máy. Sau khi T1 kiểm tra xe không có định vị và làm nổ máy thì H chụp hình xe mô tô trên gửi cho Nguyễn Ngọc T6 xem, T6 đồng ý mua xe với số tiền 8.000.000 đồng và nói H để xe mô tô trên tại nhà của T1. Sau đó, T6 chuyển vào tài khoản của H số tiền 3.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản T1 số tiền 3.000.000 đồng để H trả nợ cho T1, còn lại 2.000.000 đồng H trả nợ cho T6 nên T6 không chuyển cho H. Sau đó, T1 chở H đến nơi đang để xe mô tô hiệu Honda Vario đã lấy trộm của chị H4. Tại đây, T1 sửa ổ khóa xe và đấu dây điện cho xe mô tô hiệu Honda Vario nổ máy. Sau khi xe nổ máy, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario đi bán cho T6, trên đường đi thì bị lực lượng Công an mời về làm việc như đã nêu trên. Đối với Nguyễn Ngọc T6, sau khi H và T1 bị bắt thì T6 nhờ người em tên N3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đi đến nhà T1 lấy xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90 rồi T6 đem đến khu vực cầu P bán cho người nam (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 10.500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 17/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90, trị giá là 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ-đen, biển số 61L2-3466, trị giá là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Xe mô tô hiệu Honda Vario, màu-xám-đen, biển số 61C1-950.10, trị giá là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Xe mô tô Honda SH mode, màu trắng-nâu, biển số 61B1-889.82, trị giá là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng).

* Xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario, màu-xám-đen (không biển số) do chị Phan Thị Thanh H4 đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 17/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã giao trả cho chị Phan Thị Thanh H4.

- Đối với 01 (một) biển số 18AF-045.26; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím. Ngày 24/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị Thanh H4 không có yêu cầu, anh Lê Quang Đ yêu cầu Hồ Anh H, Lê Trung T2 bồi thường số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu Lê Trung T2, Lê Tuấn N bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu Hồ Anh H, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra truy tố, anh Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1980, là em ruột của bị can Nguyễn Ngọc T6 thay mặt T6 giao nộp số tiền 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi từ việc tiêu thụ tài sản thay cho Nguyễn Ngọc T6 và Chị Trần Ngọc Kim N2, sinh năm 1991, là vợ của bị can Lê Văn T1 thay mặt T1 giao nộp số tiền 10.500.000đ (mười triệu, năm trăm nghìn đồng) gồm tiền thu lợi 500.000 đồng và bồi thường tiền cho các bị hại 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị can Lê Văn T1.

* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím là phương tiện T1 và T6 sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội và tịch thu, tiêu hủy 01 (một) biển số 18AF-045.26.

Cáo trạng số 126/CT-VKS-HS ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo Hồ Anh H, Lê Văn T1, Lê Trung T2, về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Tuấn N, về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc T6, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Anh H mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T1 mức án từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trung T2 mức án từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tuấn N mức án từ 10 tháng tù đến 14 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T6 mức án từ 10 tháng tù đến 14 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc Hồ Anh H, Lê Trung T2, liên đới bồi thường số tiền 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) cho anh Lê Quang Đ.

- Buộc Lê Trung T2, Lê Tuấn N liên đới bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị L1.

- Buộc Hồ Anh H, Lê Văn T1 liên đới bồi thường số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị C1.

* Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số 18AF-045.26.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím là phương tiện các bị cáo phạm tội.

Buộc bị cáo T1 nộp 500.000đồng và bị cáo T6 giao nộp số tiền 4.500.000đ tiền thu lợi từ bất chính sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Các Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2025 đến ngày 27/02/2025, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương, Hồ Anh H, Lê Trung T2, Lê Văn T1 cùng nhau hứa hẹn trước và nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại, Lê Tuấn N 01 (một) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại rồi đem bán cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) và nhiều lần đem bán cho Nguyễn Ngọc T6 để tiêu thụ, cụ thể như sau:

- Vụ thứ 01: Khoảng 12 giờ ngày 10/02/2025, tại nhà số E, đường Đ, khu phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Hồ Anh H và Lê Trung T2 lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ, biển số 61G1-726.90, trị giá 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) của anh Lê Quang Đ. Sau đó, T1 kiểm tra định vị, thay đổi kết cấu, nổ máy xe rồi đem bán cho Nguyễn Ngọc T6 được số tiền 7.000.000 đồng.

- Vụ thứ 02: Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 21/02/2025, tại quán T9, địa chỉ tại số A, đường V, khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Lê Trung T2 và Lê Tuấn N lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ-đen, biển số 61L2-3466, trị giá 9.000.000đ (chín triệu đồng) của bà Nguyễn Thị L1.

- Vụ thứ 03 và thứ 4: Khoảng 01 giờ đến 03 giờ ngày 27/02/2025, tại nhà không số, đường Đ, khu phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương và nhà số A, tổ D, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Hồ Anh H và người nam tên T8 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xám-đen, biển số 61C1-950.10, trị giá 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) của chị Phan Thị Thanh H4 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu trắng-nâu, biển số 61B1-889.82, trị giá 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) của bà Nguyễn Thị C1. Sau đó, T1 kiểm tra định vị, thay đổi kết cấu, nổ máy xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu trắng-nâu, biển số 61B1-889.82 rồi Hào bán cho Nguyễn Ngọc T6 được số tiền 8.000.000 đồng. Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xám-đen, biển số 61C1-950.10, T1 sửa ổ khóa, đấu dây điện để H đem xe đi bán cho T6 nhưng đang trên đường đi thì bị lực lượng Công an phát

hiện bắt giữ. H và T1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 112.000.000 đồng; T2 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 51.000.000 đồng; N thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản trị giá 9.000.000 đồng; T6 thực hiện 02 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tổng trị giá 81.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo Hồ Anh H, Lê Văn T1, Lê Trung T2, đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Lê Tuấn N, đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T6, đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Cáo trạng số 126/CT-VKS-HS ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo về tội danh, khoản và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì ý thức coi thường pháp luật mà vẫn cố ý phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo sau khi đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hồ Anh H, Lê Văn T1, Lê Trung T2: phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc T6: Phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hồ Anh H: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Trung T2: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đến Cơ quan Công an đầu thú, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn T1: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tác động gia đình nộp tiền thu lợi bất chính và tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả, quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Tuấn N: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đến Cơ quan Công an đầu thú, quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc T6: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tác động gia đình nộp tiền thu lợi bất chính nhằm khắc phục hậu quả; bị bệnh nhồi máu cơ tim, quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa ông Lê Quang Đ yêu cầu bị cáo Hồ Anh H, Lê Trung T2 bồi thường số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng). Các bị cáo đồng ý trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu bị cáo Lê Trung T2, Lê Tuấn N bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) Các bị cáo đồng ý trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu bị cáo Hồ Anh H, Lê Văn T1 bồi thường số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Các bị cáo đồng ý trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra truy tố, anh Nguyễn Ngọc C2, là em ruột của bị cáo Nguyễn Ngọc T6 thay mặt bị cáo T6 giao nộp số tiền 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi từ việc tiêu thụ tài sản thay cho bị cáo Nguyễn Ngọc T6 theo biên lai thu tiền số 0003971 ngày 20/6/2025 của Chi cục T. Chị Trần Ngọc Kim N2, sinh năm 1991 là vợ của bị cáo Lê Văn T1 thay mặt T1 giao nộp số tiền 10.500.000đ (mười triệu, năm trăm nghìn đồng) gồm tiền thu lợi 500.000 đồng và bồi thường tiền cho các bị hại 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Lê Văn T1, theo biên lai thu tiền số 0003973 ngày 20/6/2025 của Chi cục T.

[8] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario, màu-xám-đen (không biển số) do chị Phan Thị Thanh H4 đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 17/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã giao trả cho chị Phan Thị Thanh H4.

- Đối với 01 (một) biển số 18AF-045.26; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím. Ngày 24/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hồ Anh H, Lê Trung T2, Lê Văn T1, Lê Tuấn N phạm tội Trộm cắp tài sản;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T6 phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Anh H 03 năm 06 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/02/2025

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 năm 03 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/02/2025

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trung T2 02 năm 03 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/02/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tuấn N 10 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/02/2025

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm 5 khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T6 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/02/2025

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Hồ Anh H, Lê Trung T2, liên đới bồi thường số tiền 42.000.000đồng (bốn mươi hai triệu đồng) cho anh Lê Quang Đ.

- Buộc bị cáo Lê Trung T2, Lê Tuấn N liên đới bồi thường số tiền 9.000.000đồng (chín triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị L1.

- Buộc Hồ Anh H, Lê Văn T1 liên đới bồi thường số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị C1.

4. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp. Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số 18AF-045.26.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiện Iphone 11 Promax màu trắng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, màu tím là phương tiện các bị cáo phạm tội.

Buộc bị cáo T1 nộp 500.000đồng và bị cáo T6 nộp số tiền 4.500.000đ tiền thu lợi từ bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán thì ngoài khoản tiền phải thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo H, T1, T2, N, T6 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo H nộp 2.050.000đồng, bị cáo T2 nộp 1.275.000đồng, bị cáo T1 nộp 1.050.000đồng, bị cáo N nộp 225.000đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Phân Trại tạm giam Khu vực Thủ Dầu Một thuộc Trại tạm giam số 2- Công an TP.HCM
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS khu vực 15 Tp.HCM)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Vp, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong